

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

(Quý III năm 2025)

(Báo cáo theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC
ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ CHỌN LỌC PHÚ HƯNG VIỆT NAM (“QUỸ”)

1. Mục tiêu của Quỹ

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là hướng đến việc gia tăng ổn định giá trị tài sản cho Nhà đầu tư trong trung và dài hạn. Phần lớn đầu tư của Quỹ sẽ được tập trung vào các loại chứng khoán đang và sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, bao gồm chứng khoán của các công ty đang niêm yết trên thị trường, các loại trái phiếu Chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp đã niêm yết.

2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo Báo cáo tài chính Quý III năm 2025 của Quỹ, tính đến ngày 30/09/2025, tổng giá trị tài sản ròng (“NAV”) của Quỹ tăng 15,90% (%) so với giá trị tài sản ròng của Quỹ đầu kỳ báo cáo 30/06/2025, giá NAV trên một Chứng chỉ quỹ (“CCQ”) tăng 15,81% (%) so với đầu kỳ.

3. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ áp dụng nguyên tắc đầu tư thận trọng với chiến lược đầu tư giá trị. Việc phân bổ danh mục đầu tư của Quỹ dựa trên tiêu chí nâng cao động lực tăng trưởng cho giá trị tài sản đầu tư theo quy trình chấp nhận rủi ro hợp lý.

Trong điều kiện bình thường, Quỹ có thể phân bổ tỷ trọng đầu tư 100% vào cổ phiếu. Khi nền kinh tế có những biến động bất lợi, Quỹ có thể nắm giữ giá trị tài sản ròng dưới hình thức tiền mặt, các khoản tương đương tiền và tài sản có thu nhập cố định để giảm thiểu rủi ro, phù hợp với các quy định về hạn chế đầu tư theo Điều 10 Điều lệ Quỹ.

Để đạt được mục tiêu đầu tư, Quỹ thực hiện đa dạng hóa danh mục vào hầu hết các ngành nghề. Tùy vào đặc điểm của chu kỳ kinh tế, thay đổi trong cơ cấu kinh tế và môi trường kinh doanh mà Quỹ sẽ tận dụng các cơ hội phát sinh để tập trung nắm giữ một số doanh nghiệp thuộc một vài ngành nghề nhất định trong một khoảng thời gian nhất định.

Các doanh nghiệp mục tiêu của Quỹ là những doanh nghiệp niêm yết trên các Sở Giao dịch Chứng khoán, có nền tảng tốt, tỷ lệ chi trả cổ tức cao và tiềm năng tăng trưởng tốt.

4. Phân loại Quỹ

Loại hình: Quỹ mở.

5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ

Không giới hạn.

6. Mức độ rủi ro ngắn hạn

Quỹ có mức độ rủi ro ngắn hạn trung bình đến cao.

7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 66/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21 tháng 11 năm 2022. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025, giá trị tài sản ròng của Quỹ là 201.858.045.978 đồng, tương ứng với 14.471.475,14 chứng chỉ quỹ.

9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ

Quỹ không có chỉ số tham chiếu.

10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

- Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư nếu:
 - Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
 - Quỹ đã trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ;
 - Ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
- Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại của Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận của Quỹ được thực hiện trên cơ sở đề xuất của Công ty Quản lý quỹ và phải được Đại hội Nhà đầu tư hoặc Ban đại diện Quỹ (nếu được ủy quyền) chấp thuận.
- Hình thức phân chia lợi nhuận có thể bằng tiền hoặc bằng Chứng chỉ Quỹ.

11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ Quỹ ở thời điểm báo cáo

Quỹ không phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư trong kỳ báo cáo.

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

1. Cơ cấu tài sản của Quỹ

Chỉ tiêu	30/09/2025 (%)	30/06/2025 (%)	31/03/2025 (%)
Danh mục cổ phiếu	88,48	89,54	86,52
Tiền và tương đương tiền	6,54	5,01	5,04
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ ba (03) tháng trở lên	3,95	4,56	4,50
Tài sản khác	1,03	0,89	3,93
Cộng	100,00	100,00	100,00

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

Chỉ tiêu	30/09/2025	30/06/2025	31/03/2025
2.1. Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	201.858.045.978	174.166.388.292	170.751.484.692

2.2. Tổng số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành	14.471.475,14	14.460.088,05	14.360.150,94
2.3. Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (CCQ) (VND)	13.948,68	12.044,63	11.890,65
2.4. Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	14.620,26	12.044,63	12.393,00
2.5. Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	12.047,84	9.916,43	11.755,03
2.6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VND)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2.7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2.8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2.9. Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	15,81	1,29	(2,68)
2.9.1. Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	11,51	3,24	(2,86)
2.9.2. Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	4,30	(1,95)	0,18
2.10. Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2.11. Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2.12. Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2.13. Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	2,37	2,53	2,51
2.14. Tốc độ vòng quay danh mục (%)	127,62	157,06	167,94

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%)	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%)
1 năm	14,03	14,03
3 năm	Không áp dụng	Không áp dụng
Từ khi thành lập	39,49	11,73
Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu	Không áp dụng	Không áp dụng

4. Tăng trưởng hàng năm

Thời kỳ	30/09/2025	30/09/2024
Tỷ lệ tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	14,03	14,84

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

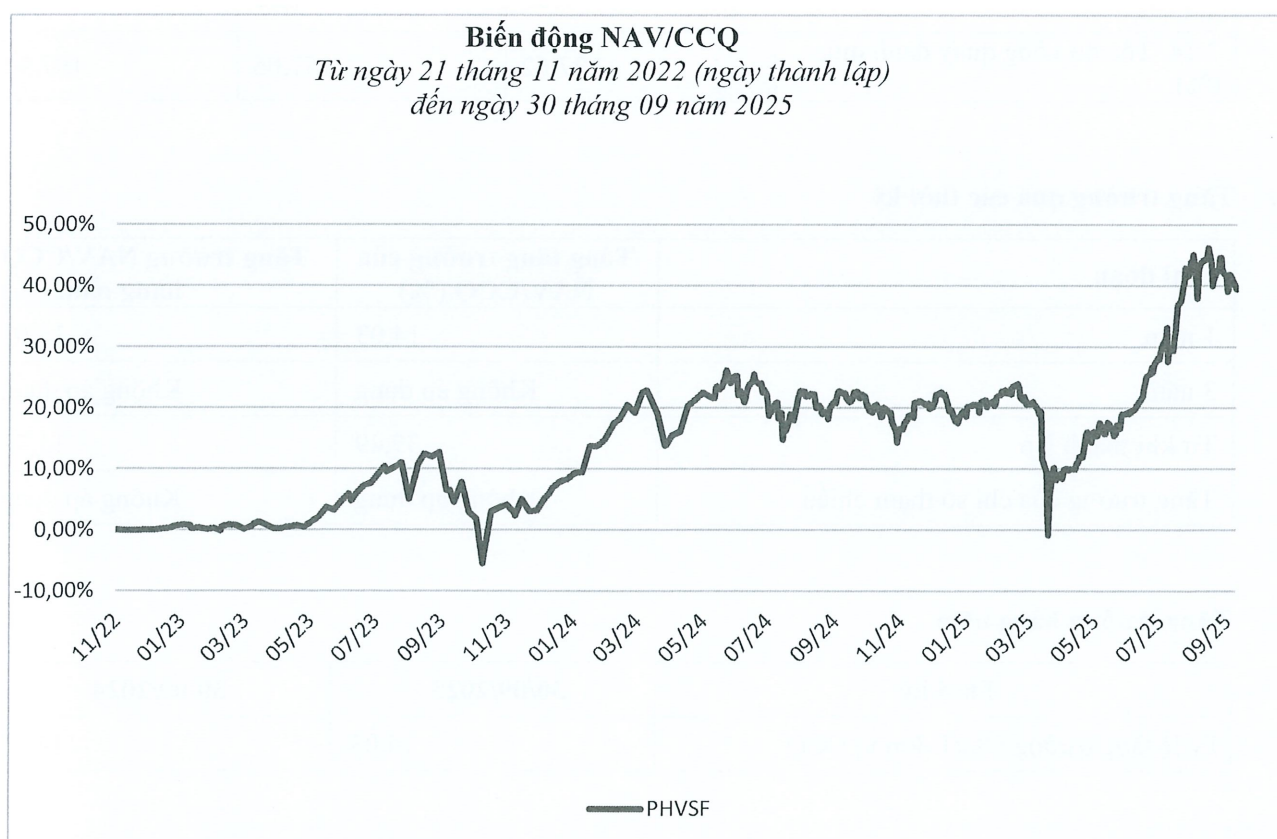
GDP quý 3/2025 của Việt Nam tăng 8,23% so với cùng kỳ – mức cao nhất kể từ năm 2011 (ngoại trừ giai đoạn phục hồi sau dịch năm 2022) – nhờ đà tăng mạnh của công nghiệp và xây dựng (+9,46%), đặc biệt là ngành chế biến chế tạo (+9,98%). Xuất khẩu và nhập khẩu trong 9 tháng đầu năm lần lượt tăng 16% và 18,8%, với xuất khẩu sang Mỹ và nhập khẩu từ Trung Quốc tăng mạnh, giúp duy trì thặng dư thương mại 16,8 tỷ USD dù VND mất giá 3,6%. Nhu cầu trong nước tiếp tục phục hồi, thể hiện qua tiêu dùng cuối cùng tăng 8,07%, tích lũy tài sản tăng 8,52%, FDI giải ngân tăng 8,5% và đầu tư công tăng 27,9%, đạt 55,7% kế hoạch năm. Doanh số bán lẻ tăng 9,5% trong 9 tháng và lượng khách quốc tế tăng 21,5% so với cùng kỳ, vượt mức trước đại dịch. Lạm phát được kiểm soát ở mức 3,27%, tạo dư địa để Ngân hàng Nhà nước duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế trong thời gian tới.

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	3,70	10,63
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ	10,33	28,86
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	14,03	39,49
Tăng trưởng hàng năm(%) /1 đơn vị CCQ	14,03	11,73
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	N/a	N/a
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ	N/a	N/a

- Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ



- Thay đổi giá trị tài sản ròng

Chỉ tiêu	30/09/2025 (VND)	30/06/2025 (VND)	Tỷ lệ thay đổi (%) (3)=((1)-(2))/(2)
NAV của Quỹ	201.858.045.978	174.166.388.292	15,90
NAV/CCQ	13.948,68	12.044,63	15,81

Trong giai đoạn từ 30/06/2025 đến 30/09/2025. NAV của Quỹ tăng 15.90% và NAV/CCQ tăng 15.81% trong cùng giai đoạn do sự biến động giá của danh mục chứng khoán và phát hành thêm Chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư.

2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo

Quy mô nắm giữ (Đơn vị)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Dưới 5.000	765	153.284,59	1,06
Từ 5.000 đến 10.000	7	46.087,60	0,32
Từ 10.000 đến 50.000	5	65.493,18	0,45
Từ 50.000 đến 500.000	4	385.500,79	2,66
Trên 500.000	5	13.821.108,98	95,51
Tổng cộng	786	14.471.475,14	100,00

3. Chi phí ngân và giảm giá

Không có.

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Mục tiêu kinh tế: Với kết quả tăng trưởng khả quan của 9 tháng đầu năm và mức thuế quan tương đối cạnh tranh, môi trường đầu tư kinh doanh của Việt Nam vẫn tiếp tục được cải thiện. Kinh tế vĩ mô vẫn được duy trì ổn định và niềm tin của doanh nghiệp và người dân được củng cố. Theo dự báo, kinh tế Việt Nam có thể tăng 8-8,2% cả năm 2025 (kịch bản cơ sở) hoặc khoảng 8,3-8,5% (kịch bản tích cực). Theo đó, để đạt được mức tăng trưởng 8-8,2% cả năm 2025 hoặc cao hơn thì quý 4/2025, tăng trưởng GDP cần đạt ít nhất khoảng 8,4-8,8%.

CPI bình quân năm 2025 được dự báo ở mức 3,8-4%, cao hơn năm 2024 (3,63%) song vẫn dưới mức mục tiêu của Quốc hội (4,5%). Một phần là nhờ tác động cộng hưởng của các yếu tố hỗ trợ kiềm chế lạm phát, nguồn cung hàng hóa - dịch vụ thiết yếu trong nước được bảo đảm. Trong khi đó, tỷ giá và lãi suất cơ bản vẫn duy trì sự ổn định và các phối hợp chính sách ngày càng tốt hơn.

Tuy nhiên, các rủi ro vẫn rất đáng kể: (i) rủi ro địa chính trị và căng thẳng thương mại - công nghệ vẫn hiện hữu và khó dự báo, song mức độ và cơ chế truyền dẫn đã thay đổi trong bối cảnh cấu trúc thuế quan toàn cầu được định hình rõ hơn; (ii) nhiều nền kinh tế lớn (Mỹ, Trung Quốc, EU...) tăng trưởng chậm lại do thuế quan, tác động đến xuất khẩu, đầu tư FDI và du lịch của Việt Nam; (iii) lạm phát, lãi suất dù giảm nhưng còn ở mức cao, neo lâu, khiến đà phục hồi khó khăn hơn nhiều, rủi ro nợ công và tư còn cao; (iv)

nguy cơ rủi ro an ninh năng lượng, an ninh lương thực, an ninh mạng, dữ liệu; thiên tai, xâm nhập mặn, biến đổi khí hậu cực đoan vẫn thường trực.

Mục tiêu tăng trưởng:

1. Sau khi chính thức được nâng hạng, thị trường chứng khoán Việt Nam sẽ bước vào giai đoạn phát triển mới - nơi câu chuyện đầu tư không còn nằm ở đà phục hồi trên diện rộng, mà chuyển sang chọn lọc theo chất lượng lợi nhuận, kỷ luật định giá và động lực tăng trưởng thực chất. Thị trường chứng khoán sẽ trở thành kênh huy động vốn hiệu quả hơn, góp phần vào mục tiêu tăng trưởng GDP trên 8% năm 2025 và hai con số từ 2026-2030.
2. Quý 3/2025 đánh dấu thời điểm bản lề – khi các yếu tố vĩ mô, hạ tầng và chính sách bắt đầu hội tụ đồng pha, giúp thị trường chuyển trạng thái từ "ổn định nền" sang "tăng tốc có chọn lọc". Thị trường bất động sản cuối 2025 sẽ có những chuyển biến tích cực hơn, với nguồn cung mới được cải thiện đáng kể so với quý 3 năm 2025.
3. Chính phủ hỗ trợ xuất khẩu thông qua việc đa dạng hóa thị trường và thúc đẩy phê chuẩn các hiệp định đầu tư, đồng thời triển khai các chương trình kích cầu tiêu dùng nội địa có kiểm soát, tận dụng quy mô thị trường lớn.

VI. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về từng nhân sự điều hành Quỹ, Ban Đại diện Quỹ và Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đã được trình bày đầy đủ tại Bản cáo bạch của Quỹ.

Kính báo cáo và trân trọng/,

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: HTNV

